



# DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 703.2020/QĐ - VPCNCL ngày 24 tháng 08 năm 2020  
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trạm thử nghiệm**

Laboratory: **Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Sản xuất Thép Úc SSE**

Organization: **SSE Steel Ltd**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: **Mechanical**

Người phụ trách/ **Nguyễn Mạnh Kha**

Representative:

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

| TT | Họ và tên/ <i>Name</i> | Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>                        |
|----|------------------------|------------------------------------------------------|
| 1. | Nguyễn Mạnh Kha        | Các phép thử được công nhận/ <i>Accredited tests</i> |
| 2. | Nguyễn Mạnh Hùng       |                                                      |

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 189**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **12/ 10/ 2023**

Địa chỉ/ *Address:* **Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng**

Địa điểm/ *Location:* **Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng**

Điện thoại/ *Tel:* **+84 225 3850818**

Fax: **+84 225 3850828**

E-mail: **ssesteel@sse.com.vn**

Website: **www.thepchuottui.vn**

**DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 189****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/<br><i>Materials or product tested</i>                     | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i> | Giới hạn định lượng (nếu có)/<br>Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i>                                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1. | <b>Thép thanh vằn và thép thanh tròn trơn</b><br><i>Deformed steel bar &amp; Round bar</i> | Thử kéo<br><i>Tensile test</i>                            | Tải trọng tối đa<br><i>Maximum load: 1.000 kN</i>                                                         | TCVN 7937-1:2013<br>(ISO 15630-1:2010)<br>TCVN 197-1:2014<br>ASTM A370-19 |
|    |                                                                                            | Thử uốn<br><i>Bend test</i>                               | Góc uốn tối đa<br><i>Maximum bended angle: 180°</i>                                                       | TCVN 7937-1:2013<br>(ISO 15630-1:2010)<br>TCVN 198:2008<br>ASTM A370-19   |
| 2. | <b>Thép cuộn tròn trơn</b><br><i>Wire rod</i>                                              | Thử kéo<br><i>Tensile test</i>                            | Tải trọng tối đa<br><i>Maximum load: 1.000 kN</i>                                                         | TCVN 7937-1:2013<br>(ISO 15630-1:2010)<br>TCVN 197-1:2014                 |
|    |                                                                                            | Thử uốn<br><i>Bend test</i>                               | Góc uốn tối đa<br><i>Maximum bended angle: 180°</i>                                                       | TCVN 7937-1:2013<br>(ISO 15630-1:2010)<br>TCVN 198:2008                   |
| 3. | <b>Thép cuộn vằn</b><br><i>Rerolled deformed steel bar</i>                                 | Thử kéo<br><i>Tensile test</i>                            | Tải trọng tối đa<br><i>Maximum load: 1.000 kN</i>                                                         | JIS Z 2241:2011                                                           |
|    |                                                                                            | Thử uốn<br><i>Bend test</i>                               | Góc uốn tối đa<br><i>Maximum bended angle: 180°</i>                                                       | JIS Z 2248:2014                                                           |